

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ
VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA, SẢN PHẨM CHỦ LỰC XÃ SIN SUỐI HỒ
giai đoạn 2026 - 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, Đảng bộ xã Sin Suối Hồ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp; tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa; một số vùng sản xuất bước đầu được hình thành như chè, cây ăn quả, lúa hàng hóa, cá nước lạnh và dược liệu dưới tán rừng; nhiều mô hình sản xuất hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp hàng hóa còn nhiều hạn chế: Quy mô nhỏ lẻ, manh mún; tích tụ đất đai còn khó khăn; liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ chưa chặt chẽ; tỷ lệ sản xuất an toàn, hữu cơ còn thấp; công nghiệp chế biến chậm phát triển; việc xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm còn hạn chế; giá trị gia tăng và sức cạnh tranh chưa cao. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số còn hạn chế; hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu; thu hút doanh nghiệp đầu tư còn ít; hoạt động hợp tác xã chưa hiệu quả.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức về phát triển nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị chưa đầy đủ; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh; tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, quyết liệt. Bên cạnh đó, điều kiện địa hình, tập quán sản xuất và trình độ sản xuất của người dân còn nhiều khó khăn.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, có tính nền tảng, là trụ đỡ của nền kinh tế địa phương, góp phần thực hiện giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển bền vững.

2. Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ và tuần hoàn; nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm; gắn sản xuất với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Chuyển mạnh sang tư duy kinh tế nông nghiệp; lấy hiệu quả, giá trị gia tăng và nhu cầu thị trường làm định hướng; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp địa phương.

4. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có lợi thế của xã như chè, lúa đặc sản, dược liệu dưới tán rừng, cá nước lạnh; hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô phù hợp gắn với xây dựng thương hiệu.

5. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương. Gắn sản xuất với trải nghiệm, tiêu thụ tại chỗ và quảng bá sản phẩm; từng bước hình thành các mô hình nông nghiệp - du lịch - dịch vụ tổng hợp.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, bền vững; hình thành các vùng sản xuất tập trung; nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và phát triển du lịch nông nghiệp; xây dựng sản phẩm đặc trưng mang thương hiệu Sin Suối Hồ.

Đưa nông nghiệp trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4-5%/năm.
- Lúa hàng hóa: Trên 100 ha, trong đó lúa đặc sản khoảng 60 ha.
- Dược liệu dưới tán rừng: 100 ha sâm Lai Châu và các cây dược liệu khác.
- Rau an toàn: Khoảng 2 ha phục vụ tiêu dùng và du lịch.
- Cá nước lạnh: Khoảng 3.200 m³, sản lượng trên 200 tấn/năm.
- 20% diện tích chè sản xuất theo quy trình hữu cơ.
- 100% cơ sở chăn nuôi tập trung có hệ thống xử lý chất thải.
- Phát triển 05-06 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.
- Có ít nhất 03 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

IV- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

Đề tạo chuyên biến mạnh mẽ, toàn diện trong phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2026-2030, Đảng bộ xã xác định tập trung thực hiện 03 khâu đột phá sau:

1. Đột phá về phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với sản phẩm chủ lực

Tập trung quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, gắn với tích tụ, tập trung đất đai và đầu tư hạ tầng thiết yếu, tạo nền tảng phát triển sản xuất quy mô phù hợp, ổn định và hiệu quả. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa trong giai đoạn mới.

2. Đột phá về liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị

Tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là khâu chế biến; tập trung thúc đẩy liên kết giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hình thành mối liên kết ổn định, bền vững, từng bước chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất có tổ chức. Trên cơ sở đó, phát triển các chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, bảo đảm đầu ra ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Đột phá về phát triển nông nghiệp gắn với du lịch và chuyển đổi số

Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trở thành hướng đi đặc trưng, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và đa dạng hóa sinh kế cho người dân; hình thành các mô hình sản xuất kết hợp trải nghiệm, tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, gắn với bản sắc văn hóa và điều kiện tự nhiên của địa phương. Đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp theo hướng từng bước hiện đại hóa quản lý và tổ chức sản xuất, tạo nền tảng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

V- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa, bền vững. Ưu tiên phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế gắn với vùng sản xuất tập trung.

Đẩy mạnh liên kết sản xuất; chú trọng thu hút đầu tư vào chế biến nông sản, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ nông sản; xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm OCOP. Đồng thời, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết đề ra.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp, thiết thực, dễ hiểu, dễ thực hiện; gắn tuyên truyền với vận động, hướng dẫn cụ thể để tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động về phát triển nông nghiệp hàng hóa. Chú trọng tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của việc chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; lợi ích của sản xuất an toàn, hữu cơ, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Lồng ghép nội dung tuyên truyền thông qua các hội nghị, sinh hoạt chi bộ, hệ thống truyền thanh cơ sở; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện. Kịp thời phát hiện, tổng kết và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, cách làm hay, sáng tạo; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn xã.

2.2. Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế của xã chè, lúa đặc sản, dược liệu và cá nước lạnh theo hướng hàng hóa tập trung, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường; gắn phát triển sản xuất với quy hoạch không gian vùng sản xuất phù hợp điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và tập quán canh tác của từng khu vực. Trong đó:

- Đối với cây chè, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả vùng chè hiện có; đẩy mạnh thâm canh, cải tạo diện tích chè già cỗi, phát triển chè chất lượng cao, chè hữu cơ, từng bước xây dựng thương hiệu chè Sin Suối Hồ gắn với chế biến và tiêu thụ ổn định.

- Đối với lúa đặc sản vùng cao, phát triển tại các khu vực có điều kiện đất ruộng nước, hệ thống thủy lợi thuận lợi: Lở Thành, Thèn Sin, Na Đông, Mán, Hối Hán; tập trung mở rộng diện tích lúa đặc sản, nâng cao năng suất, chất lượng gắn với xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phục vụ tiêu dùng và du lịch.

- Đối với cây dược liệu dưới tán rừng, tập trung phát triển tại các khu vực có diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ: Sin Suối Hồ, Dền Sung, Sàng Mà Pho; ưu

tiên các loại cây có giá trị kinh tế cao như sâm Lai Châu, đương quy, tam thất, thất diệp,...; gắn phát triển dược liệu với bảo vệ và phát triển rừng, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Đối với nuôi cá nước lạnh, phát triển tại các khu vực có nguồn nước sạch, nhiệt độ phù hợp: Sin Suối Hồ, Chung Hồ, Chí Sáng, Chàng Phàng, Sàng Mà Pho; tập trung mở rộng quy mô nuôi cá hồi, cá tầm theo hướng hàng hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.

2.3. Quy hoạch và quản lý vùng sản xuất

Quy hoạch, hình thành rõ các vùng sản xuất chuyên canh; gắn quy hoạch với đầu tư hạ tầng thiết yếu như giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai thông qua các hình thức phù hợp như dồn điền đổi thửa, góp quyền sử dụng đất, liên kết sản xuất giữa các hộ dân với hợp tác xã và doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả, bền vững; hạn chế tình trạng manh mún, phân tán.

2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp

Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao, phổ biến các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Khuyến khích áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao, từng bước hiện đại hóa các khâu sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để tái sử dụng, giảm chi phí sản xuất và hạn chế ô nhiễm môi trường. Từng bước xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ đối với các sản phẩm chủ lực của xã.

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp; triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi; ứng dụng mã QR để minh bạch thông tin sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Đồng thời, đẩy mạnh quảng bá, tiêu thụ nông sản trên các nền tảng số.

2.5. Phát triển tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp hiện có; đồng thời khuyến khích thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác trong các lĩnh

vực sản xuất nông nghiệp chủ lực của xã. Hỗ trợ các hợp tác xã nâng cao năng lực quản trị, tổ chức sản xuất, tiếp cận nguồn vốn, ứng dụng khoa học công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; từng bước xây dựng hợp tác xã trở thành hạt nhân trong phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Đẩy mạnh liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; khuyến khích ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm, bảo đảm ổn định đầu ra và nâng cao giá trị sản phẩm. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản. Hình thành các mô hình liên kết sản xuất bền vững, hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

2.6. Xây dựng thương hiệu nông sản và phát triển sản phẩm OCOP

Xây dựng, phát triển và nâng cao giá trị thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Hoàn thiện quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, từng bước khẳng định uy tín và vị thế của sản phẩm trên thị trường.

Áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP; thực hiện truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, bảo đảm tính minh bạch, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh. Tăng cường đầu tư, hỗ trợ chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm thông qua các hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, các kênh phân phối hiện đại và nền tảng thương mại điện tử; gắn quảng bá sản phẩm nông nghiệp với phát triển du lịch cộng đồng của xã.

2.7. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch

Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa của địa phương; hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc trưng.

Xây dựng và phát triển các mô hình du lịch trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp như: Tham quan, trải nghiệm vùng chè; trải nghiệm trồng, chăm sóc và thu hái dược liệu dưới tán rừng; kết hợp giới thiệu, quảng bá quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Từng bước hình thành các điểm tham quan, trải nghiệm gắn với các vùng sản xuất tập trung, tạo chuỗi sản phẩm du lịch nông nghiệp đa dạng, hấp dẫn.

Khuyến khích các hộ gia đình, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia phát triển mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch; nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng các sản phẩm trải nghiệm đặc trưng, mang bản sắc riêng của Sin Suối Hồ. Gắn phát triển

nông nghiệp với tiêu thụ sản phẩm phục vụ khách du lịch; xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp đặc sản tại các khu du lịch, homestay, điểm dừng chân.

2.8. Huy động nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp

Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nông nghiệp hàng hóa, ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời phát huy nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cho phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất như giao thông nội đồng, thủy lợi, cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các dự án chế biến nông sản, phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, hạ tầng, tiếp cận chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp yên tâm đầu tư lâu dài.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong phát triển nông nghiệp; khuyến khích Nhân dân tham gia góp vốn, góp đất, liên kết sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã trong huy động và sử dụng nguồn lực. Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào chương trình công tác hằng năm; phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, cán bộ phụ trách. Tổ chức chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ; định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã theo quy định.

3. HĐND xã ban hành các chính sách (nếu có), bố trí ngân sách để thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã đẩy mạnh

công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; tập trung kiểm tra các lĩnh vực, nội dung trọng tâm, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, sai phạm; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết.

6. Văn phòng Đảng ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; đồng thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn trong quá trình thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy Lai Châu (b/c),
- TT. Đảng ủy, HĐND xã,
- Lãnh đạo UBND xã,
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ xã,
- Các chi bộ trực thuộc,
- UBMTTQ và các tổ chức - chính trị xã hội xã,
- Các cơ quan, đơn vị và các bản,
- Lưu VPĐU.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ

Trịnh Văn Đoàn